

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2025

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 202/2025/TLST-HN ngày 09/5/2025 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXX – ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 31/7/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Châu Thị Thuỳ T – sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh T

Nay: ấp L, xã B, tỉnh Đ

*** Bị đơn:** Trần Đức N - sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T

Nay: ấp T, xã B, tỉnh Đ

Chị T có đơn xin vắng mặt;

Anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Châu Thị Thuỳ T trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và anh N sống chung nhau và cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã

cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay tôi không còn tình cảm với anh N nên tôi xin ly hôn với anh N

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Châu Bảo B – sinh ngày 11/07/2012. Hiện nay cháu B đang sống với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Đức N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà án.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh N; Về con chung: giao cháu Trần Châu Bảo B – sinh ngày 11/07/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh N thường trú tại: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T (nay xã B, tỉnh Đ) nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

Chị T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Còn anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh N

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà án, từ đó cho thấy anh N không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Châu Bảo B – sinh ngày 11/07/2012. Xét thấy, cháu Bảo còn nhỏ, hiện nay cháu đang sống chung với chị T, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Bảo, để đảm bảo cho cháu Bảo phát triển ổn định về mặt vật chất lẫn tinh thần cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu B, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, chị T sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị Thuỳ T. Chị Châu Thị Thuỳ T được ly hôn với anh Trần Đức N

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Châu Bảo B – sinh ngày 11/07/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Châu Thị Thuỳ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0008812 ngày 07/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị T đã thực hiện xong.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực I- ĐT;
- Cục THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã Bình Ninh, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

